

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ L tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 93/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của L và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Đăng Kh, sinh năm 1990

Địa chỉ: 8/23 khu phố Đông Tân, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1962

Cư trú: Khu phố 4, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước;

- *Bị đơn*: Ông Dương Công L, sinh năm 1978

Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1982

Cùng cư trú: Thôn Bù La, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: ông Lê Tấn Duy, sinh năm 1990; cư trú: Thôn Tân Bằng, xã Tân Thủy, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Các đương sự thống nhất thoả thuận thống nhất hủy hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/5/2022 được ký kết giữa ông Kh với ông Dương Công L và bà Trần Thị Hồng X.

2.2. Ông Dương Công L và bà Trần Thị Hồng X có nghĩa vụ trả cho ông Kh số tiền 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng, trong đó 500.000.000

(năm trăm triệu) đồng là số tiền đặt cọc và 30.000.000 đồng là số tiền chậm trả kể từ ngày 20/6/2022 đến ngày 16/4/2024.

2.3. Về thời hạn và phương thức trả nợ: Các đương sự thống nhất thỏa thuận thời hạn trả nợ kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp L (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ L dân sự năm 2015.

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm: 12.600.000 đồng, ông Dương Công L và bà Trần Thị Hồng X phải chịu. Tuy nhiên bà X, ông L đang sinh sống tại xã Bù Gia Mập thuộc vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có xác nhận của UBND Bù Gia Mập xác nhận nên ông L, bà X được giảm  $\frac{1}{2}$  tiền án phí và còn phải chịu 6.300.000 đồng.

Ông Nguyễn Đăng Kh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006621 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục THADS huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp L ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 L Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 L Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 L thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Công**